

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-SNNMT ngày 08/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Thủ tục hành chính có số thứ tự 04, Mục I Phần A tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp, Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

2. Thủ tục hành chính có số thứ tự: 01, 02, 04 Mục A Phần I tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

3. Thủ tục hành chính có số thứ tự 02 Mục A tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

4. Thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02 Tiểu mục I, Mục A; số 01 Tiểu mục II, Mục A; số 01, 02, 03 Tiểu mục I, Mục B; số 01 Tiểu mục II, Mục B Phần I tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KTCN, TTTT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC(TTPL).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Nhân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN**
(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 TTHC)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (01 TTHC)				
01	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng (1.014605)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm Lâm.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (01 TTHC)				
01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (1.014630)	27 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (10 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (06 TTHC)						
01	3.000198.000.00.00.H37	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm Lâm.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	Khoản 7 Điều 6, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
02	3.000179.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
03	1.007916.000.00.00.H37	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế.	Nộp tiền trồng rừng thay thế.	- 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án; - 27 ngày làm việc đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

¹ Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

				tại địa phương khác.			
04	1.000045. 000.00.00. H37	Xác nhận bảng kê lâm sản.	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: trong thời hạn 02 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: trong thời hạn 04 ngày làm việc.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Cơ quan kiểm lâm sở tại (Hạt Kiểm lâm). - Cơ quan thực hiện: Cơ quan kiểm lâm sở tại (Hạt Kiểm lâm).	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
05	1.004819. 000.00.00. H37	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES.	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.	- Trường hợp 1: 03 ngày làm việc; - Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; - Trường hợp 3: + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc; + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

				làm việc; - Trường hợp 4: Nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại, trong thời hạn 16 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES).			
06	3.000496.000.00.00.H37	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES.	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.	- Trường hợp 1: 03 ngày làm việc; - Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; - Trường hợp 3: + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc; + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật,	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

				thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES).			
II Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (04 TTHC)							
01	1.008672.000.00.00.H37	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm.	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên.	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	- Điều 10 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
02	1.014022.000.00.00.H37	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên.	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	Điều 11 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
03	1.008675.000.00.00.	Cấp giấy phép trao đổi, tặng	Cấp giấy phép trao đổi, tặng	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được			- Điều 13 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT

	H37	cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.	cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.	đầy đủ hồ sơ hợp lệ.			ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
04	1.008682.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	27 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn .	Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
01	3.00018.000.00.00.H37	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng.	Số thứ tự 02, Mục A Phần I tại Phụ lục I tại Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
02	1.014021.00 0.00.00.H37	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận.	Số thứ tự 01 Tiêu mục I, Mục A Phần I Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.